UBND Xã: Bình Thuận **Biểu số 115/CK TC - NSNN**

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**6.730.058.000**		**6.730.058.000**	**1.549.291.475**		**1.549.291.475**	**23,02**		**23,02**
	Trong đó:									
	Tiết kiệm chi 10%	734.450.000		734.450.000						
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.059.482.000		1.059.482.000	329.455.916		329.455.916	31,10		31,10
	Chi dân quân tự vệ	539.993.000		539.993.000	204.614.180		204.614.180	37,89		37,89
	Chi trật tự an toàn xã hội	519.489.000		519.489.000	124.841.736		124.841.736	24,03		24,03
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	91.188.000		91.188.000	21.456.000		21.456.000	23,53		23,53
4	Chi văn hóa, thông tin	31.500.000		31.500.000	19.480.000		19.480.000	61,84		61,84
5	Chi phát thanh, truyền thanh									
6	Chi thể dục, thể thao	22.500.000		22.500.000	10.700.000		10.700.000	47,56		47,56
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	31.500.000		31.500.000						
	Giao thông									
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	31.500.000		31.500.000						
	Các hoạt động kinh tế khác									
9	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	4.208.389.000		4.208.389.000	1.078.073.559		1.078.073.559	25,62		25,62
10	Chi cho công tác xã hội	441.049.000		441.049.000	90.126.000		90.126.000	20,43		20,43
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác				90.126.000		90.126.000			
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
	Trợ cấp xã hội									
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng									
	Khác									
12	Dự phòng	110.000.000		110.000.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
	Nộp trả ngân sách cấp trên									